TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **205**/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 19/9/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bôi và bà Nguyễn Thị Hà;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên;

Ngày 19/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX-ST ngày 14/8/2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 70/2025/QĐST-DS ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT: Đội 5, xã C, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1976; HKTT và chỗ ở: Đội 5, xã C, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi cùng anh Q kết hôn năm 2003, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T1, thành phố Hà Nội (Nay là xã C, thành phố Hà Nội), ngày 29/8/2003. Nghề nghiệp: Vợ chồng đều lao động tự do (Tôi thì làm hành chính công ty tắc xi còn anh Q lúc đầu thì lái xe bây giờ thì làm gì tôi không biết).

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống (từ sinh hoạt hàng ngày, làm ăn kinh tế đến tình cảm) vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng ở cùng nhà nhưng khoảng hơn một năm nay ngủ riêng,

không ăn uống, sinh hoạt cùng nhau và không ai hỏi đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết nhưng không can thiệp gì, mẹ chồng và mẹ đẻ tôi chỉ khuyên tôi cam chịu, sống ly thân nhưng không ly hôn và ở tại nhà vợ chồng tôi xây dựng. Về phía anh Q thì cho rằng anh ra ngoài đi lại, làm ăn với ai và làm công việc gì là quyền của anh không ai can thiệp được và không được ghen tuông, nếu tôi chấp nhận được như thế thì chấp nhận, không thì quyết định việc của vợ chồng thế nào là tùy quan điểm của tôi. Nay tôi xét thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng tôi căng thẳng không còn hạnh phúc. Để ổn định cuộc sống cũng như tinh thần của hai bên, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh C, sinh ngày 05/6/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Duy T, sinh 06/11/2007. Ly hôn tôi đề nghị con Nguyễn Thị Linh C đã trưởng thành không đề nghị giải quyết; con Nguyễn Duy T đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con ở với bố hay mẹ tôi cũng nhất trí. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung tôi xin tự thỏa thuận và không đề nghị giải quyết.

-Về tài sản chung, công sức và nợ chung của vợ chồng: Chúng tôi xin tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được thì chúng tôi đề nghị tòa giải quyết sau theo quy định của pháp luật.

Thu nhập hiện tại của tôi khoảng 6 - 7 triệu/tháng (làm văn phòng hãng TX 25).

Do tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi tha thiết xin được toà sớm giải quyết để vợ chồng ly hôn và không hoà giải nhiều lần.

- *Về án phí:* Tôi xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

**Bị đơn*: Như biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2025 và tại phiên công khai chứng cứ và hòa giải anh Q trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cùng cô H kết hôn với nhau năm 2003, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện T1, thành phố Hà Nội ngày 29/8/2003. Nghề nghiệp: Vợ chồng đều lao động tự do.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống (do ghen tuông, nghi ngờ) vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng ở cùng nhà nhưng khoảng hơn một năm nay không ai hỏi đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết nhưng do vợ chồng đã trưởng thành nên không can thiệp để vợ chồng tự quyết định.

Nay cô H có đơn xin ly hôn, tôi xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng là do ghen tuông, hiểu lầm nhau dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn (tôi vẫn còn tình cảm với cô H) và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh C, sinh ngày 05/6/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Duy T, sinh 06/11/2007 hiện đang ở cùng hai

vợ chồng. Tường hợp ly hôn tôi đề nghị con Nguyễn Thị Linh C đã trưởng thành không đề nghị giải quyết; con Nguyễn Duy T đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con ở với bố hay mẹ tôi cũng nhất trí. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung tôi xin tự thỏa thuận và không đề nghị giải quyết.

-Về tài sản chung, công sức và nợ chung của vợ chồng: Chúng tôi xin tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu nhập hiện tại của tôi khoảng 5 - 7 triệu/tháng (lao động tự do).

- *Về án phí:* Tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa do có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn nên không tiến hành hòa giải được theo quy định.

Về phía anh Q tại phiên hòa giải ngày 24/4/2025, anh xin đoàn tụ và nếu trường hợp cô H không rút đơn mà cương quyết xin ly hôn thì anh xin vắng mặt trong quá trình tố tụng (Từ hòa giải lần 2 đến phiên tòa xét xử vụ án).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành hòa giải,... đúng quy định tại các Điều: 28, 68, 177, 195, 196, 203, 209 Bộ luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 72, Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 38, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cần xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh C, sinh ngày 05/6/2004, đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không đề nghị giải quyết; con Nguyễn Duy T, sinh 06/11/2007, nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn thì xin được ở với cô H. Ly hôn cần giao con Nguyễn Duy T chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q.

Về tài sản, công sức, các khoản vay, cho vay của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

←

Về án phí và quyền kháng cáo: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. anh Q và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1.Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 - Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. anh Q và chị H đều trú tại xã C, thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, có mặt chị H, vắng mặt anh Q (Biên bản hòa giải lần 1 ngày 24/4/2025, anh Q có quan điểm xin từ chối hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa). Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Q kết hôn năm 2003, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T1, thành phố Hà Nội (nay là xã C, thành phố Hà Nội) ngày 29/8/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H và anh Q đều thừa nhận có thời gian hòa thuận hạnh phúc được thời gian dài, đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính theo chị H là do bất đồng quan điểm sống (từ sinh hoạt hàng ngày, làm ăn kinh tế đến tình cảm) vợ chồng không có tiếng nói chung, không bàn bạc và không còn tin tưởng lẫn nhau. Theo anh Q thì nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống (do ghen tuông, nghi ngờ dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau). chị H và anh Q đều thừa nhận vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc và không hỏi han nói chuyện gì đến nhau hơn một năm nay. Mâu thuẫn của 2 vợ chồng hai bên gia đình đều biết nhưng theo cô H thì mẹ chồng và mẹ đẻ chỉ khuyên chị cam chịu, vợ chồng không nói chuyện được với nhau thì sống ly thân nhưng không ly hôn và cứ ở tại nhà vợ chồng xây dựng. Nay chị H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng căng thẳng không còn hạnh phúc nên xin được ly hôn anh Q theo quy định của pháp luật. anh Q cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm và xin đoàn tụ nhưng nếu cô H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh Q là trầm trọng, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, về phía chị H cho rằng trước khi làm đơn xin ly hôn và quá trình hòa giải có đưa ra một số quan điểm để cải thiện tình cảm vợ chồng như anh Q thay đổi công việc làm và chấm dứt mối quan hệ hiện tại... nhưng anh Q đều không đồng ý. Về phía anh Q xin đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm của vợ chồng, kể cả hai bên gia đình cũng tác động nhưng không có kết quả, bản thân anh Q xin đoàn tụ nhưng lại từ chối hòa giải và xin vắng mặt. Xét thấy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được, cuộc sống chung không

⇢

thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H và cần xử cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

3.Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh C, sinh ngày 05/6/2004, đã trưởng thành (trên 18 tuổi) ly hôn chị H và anh Q không đề nghị giải quyết; con Nguyễn Duy T, sinh 06/11/2007 nguyện vọng của cháu Tuân nếu bố, mẹ ly hôn thì xin được ở với cô H. Quan điểm của chị H và anh Q nếu trường hợp ly hôn thì giải quyết theo nguyện vọng của cháu Tuân. Để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên. chị H và anh Q ly hôn thì cần giao con Nguyễn Duy T cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. anh Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q theo quy định của pháp luật.

4.Tài sản chung, công sức, các khoản vay và cho vay của vợ chồng: chị H và anh Q xin tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H, phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; chị H và anh Q có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 38, Điều 51; khoản 1, Điều 56, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn Q;

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Văn Q**.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh C, sinh ngày 05/6/2004 và Nguyễn Duy T, sinh 06/11/2007. Ly hôn con Nguyễn Thị Linh C đã trưởng thành (trên 18 tuổi), chị H và anh Q không đề nghị giải quyết.

Giao con Nguyễn Duy T, sinh 06/11/2007 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. anh Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

4. Tài sản chung, công sức, các khoản vay và cho vay của vợ chồng: chị H và anh Q xin tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự ở một vụ án khác nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016633 ngày 13/2/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1 (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Hà Nội).

6. Về quyền kháng cáo: chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND khu vực 11 - Hà Nội ;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Phòng THADS khu vực 11- Hà Nội ;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Trí